UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CTUT KHÓA 40, NĂM 2025

Ngày kiểm tra: 14 tháng 12 năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHKTCN ngày / /2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
1	**T40001**	Nguyễn Hải	Băng	10/02/2001	Cà Mau	180	150	**330**	Không đạt	
2	**T40002**	Trần Phi	Bình	26/01/2002	Cần Thơ	290	275	**565**	Đạt	
3	**T40003**	Trần Nguyễn Huy	Cường	17/02/2004	Đồng Tháp	255	235	**490**	Đạt	
4	**T40004**	Lê Kim Ngọc	Khánh	03/09/2000	Kiên Giang	295	285	**580**	Đạt	
5	**T40005**	Nguyễn Quốc	Khánh	03/09/2003	Cần Thơ	235	305	**540**	Đạt	
6	**T40006**	Bùi Trần Nhật	Long	30/12/2004	Hậu Giang	275	175	**450**	Không đạt	
7	**T40007**	Lê Phước	Lộc	08/01/2002	Cần Thơ	115	315	**430**	Không đạt	
8	**T40008**	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	17/12/2004	An Giang	115	270	**385**	Không đạt	
9	**T40009**	Nguyễn Hữu	Nghị	07/06/2003	Tiền Giang	190	195	**385**	Không đạt	
10	**T40010**	Lưu Quốc	Phong	24/04/2001	Cần Thơ	445	335	**780**	Đạt	
11	**T40011**	Trương Thanh	Thảo	08/11/2001	Cà Mau	265	185	**450**	Không đạt	
12	**T40012**	Võ Minh	Thùy	10/08/2003	Cần Thơ	225	120	**345**	Không đạt	
13	**T40013**	Huỳnh Anh	Thư	25/10/2003	Cần Thơ	160	150	**310**	Không đạt	
14	**T40014**	Nguyễn Thị Thanh	Vy	01/02/2002	Cần Thơ	0	0	**0**	Không đạt	Vắng
15	**T40015**	Phạm Thị Phương	Vy	07/03/2004	Cần Thơ	230	310	**540**	Đạt	
16	**T40016**	Mạch Trung	Tỷ	07/05/2002	Sóc Trăng	130	170	**300**	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
17	**T40017**	Lâm Thị Mỹ	Anh	10/09/2003	Bạc Liêu	315	395	**710**	Đạt	
18	**T40018**	Lý Tú	Anh	15/08/2004	Cần Thơ	305	215	**520**	Không đạt	
19	**T40019**	Nguyễn Thị Mai	Anh	18/12/2004	Cần Thơ	410	310	**720**	Đạt	
20	**T40020**	Đỗ Thị Kim	Cương	25/10/2003	Cần Thơ	265	355	**620**	Đạt	
21	**T40021**	Nguyễn Thị Lan	Chinh	19/07/2003	Kiên Giang	285	320	**605**	Đạt	
22	**T40022**	Đặng Hữu	Danh	10/09/2003	Cần Thơ	410	355	**765**	Đạt	
23	**T40023**	Nguyễn Quốc	Duy	10/07/2003	Cần Thơ	245	235	**480**	Đạt	
24	**T40024**	Trần Hữu	Đang	06/10/2004	Vĩnh Long	215	270	**485**	Không đạt	
25	**T40025**	Chu Mạnh	Đình	17/06/2003	Cần Thơ	170	155	**325**	Không đạt	
26	**T40026**	Nguyễn Quý	Đôn	21/08/2003	Cà Mau	0	0	**0**	Không đạt	Vắng
27	**T40027**	Hà Hoàng	Hải	20/04/2004	Kiên Giang	390	275	**665**	Đạt	
28	**T40028**	Võ Trường	Hải	15/01/2004	Kiên Giang	400	320	**720**	Đạt	
29	**T40029**	Nguyễn Huy	Hoàng	07/01/2004	Sóc Trăng	255	285	**540**	Đạt	
30	**T40030**	Triệu Thanh	Hồ	06/04/2004	Sóc Trăng	270	245	**515**	Đạt	
31	**T40031**	Huỳnh Ngọc	Huy	08/08/2003	Cần Thơ	245	225	**470**	Đạt	
32	**T40032**	Cam Đại	Hưng	16/09/2003	Cần Thơ	290	285	**575**	Đạt	
33	**T40033**	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	08/08/2003	Cần Thơ	270	225	**495**	Đạt	
34	**T40034**	Phạm Công	Kỷ	12/01/2002	Cần Thơ	245	275	**520**	Đạt	
35	**T40035**	Lê Thành	Khá	27/04/2004	Cần Thơ	220	135	**355**	Không đạt	
36	**T40036**	Lâm Chí	Khanh	22/02/2004	An Giang	395	385	**780**	Đạt	
37	**T40037**	Nguyễn Thanh	Khiết	15/08/2003	Cần Thơ	170	100	**270**	Không đạt	
38	**T40038**	Phạm Hồ Đăng	Khoa	01/01/2004	An Giang	300	270	**570**	Đạt	
39	**T40039**	Dương Minh	Luân	03/02/2003	An Giang	420	435	**855**	Đạt	
40	**T40040**	Ngô Dương	Mẫn	27/03/2004	Cà Mau	390	315	**705**	Đạt	
41	**T40041**	Phan Nguyễn Nhựt	Minh	06/01/2004	Hậu Giang	400	360	**760**	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
42	**T40042**	Huỳnh Thị Thảo	Ngân	21/10/2004	An Giang	295	260	**555**	Đạt	
43	**T40043**	Nguyễn Hữu	Nghĩa	27/07/2004	Hậu Giang	330	325	**655**	Đạt	
44	**T40044**	Huỳnh Hữu	Nhân	01/01/2004	Hậu Giang	380	215	**595**	Không đạt	
45	**T40045**	Nguyễn Lê Hoài	Nhân	16/12/2004	Sóc Trăng	330	255	**585**	Đạt	
46	**T40046**	Phan Thanh	Nhiệm	12/09/2002	Vĩnh Long	275	200	**475**	Không đạt	
47	**T40047**	Bùi Hữu	Phúc	28/02/2003	Cần Thơ	435	415	**850**	Đạt	
48	**T40048**	Nguyễn Trọng	Phúc	09/09/2003	Bạc Liêu	310	280	**590**	Đạt	
49	**T40049**	Bùi Bích	Phương	21/07/2003	An Giang	240	280	**520**	Đạt	
50	**T40050**	Đỗ Thị Tú	Quyên	21/03/2004	Cần Thơ	245	260	**505**	Đạt	
51	**T40051**	Nguyễn Quang	Sang	11/11/2002	Vĩnh Long	205	310	**515**	Không đạt	
52	**T40052**	Lương Chí	Tấn	19/12/2003	Cần Thơ	360	335	**695**	Đạt	
53	**T40053**	Lê Quang	Tiến	10/05/2003	Cần Thơ	430	420	**850**	Đạt	
54	**T40054**	Trương Hữu	Tín	11/03/2004	Cà Mau	135	210	**345**	Không đạt	
55	**T40055**	Lê Thanh	Tuấn	26/12/2003	Hà Nội	375	350	**725**	Đạt	
56	**T40056**	Lý Hoàng	Thân	21/04/2004	Cần Thơ	385	170	**555**	Không đạt	
57	**T40057**	Trịnh Thanh	Thoại	04/05/2004	Bạc Liêu	400	360	**760**	Đạt	
58	**T40058**	Nguyễn Anh	Thư	27/10/2003	Cần Thơ	375	170	**545**	Không đạt	
59	**T40059**	Phạm Ngọc	Trầm	07/05/2004	Vĩnh Long	430	420	**850**	Đạt	
60	**T40060**	Phan Nguyễn Hoàng	Trân	23/06/2003	Vĩnh Long	305	300	**605**	Đạt	
61	**T40061**	Phạm Minh	Trí	03/03/2003	Cần Thơ	380	245	**625**	Đạt	
62	**T40062**	Phan Thị Diễm	Trinh	25/03/2003	Cần Thơ	125	300	**425**	Không đạt	
63	**T40063**	Nguyễn Nguyên	Trương	25/10/2004	Hậu Giang	125	215	**340**	Không đạt	
64	**T40064**	Nguyễn Nhật	Trường	19/06/2003	Hậu Giang	335	180	**515**	Không đạt	
65	**T40065**	Trương Thị Thúy	Vi	08/04/2004	An Giang	160	235	**395**	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
66	**T40066**	Trần Tuấn	Vĩ	09/07/2004	Cần Thơ	225	250	**475**	Đạt	
67	**T40067**	Nguyễn Thanh	Vũ	31/03/2004	Đồng Tháp	245	315	**560**	Đạt	
68	**T40068**	Lương Quốc	Anh	08/03/2003	Cần Thơ	290	250	**540**	Đạt	
69	**T40069**	Trần Bình	An	06/04/2004	Hậu Giang	285	260	**545**	Đạt	
70	**T40070**	Hồ Nhật	Bằng	10/12/2002	Cà Mau	305	145	**450**	Không đạt	
71	**T40071**	Nguyễn Huỳnh Anh	Duy	23/05/2002	Vĩnh Long	300	205	**505**	Không đạt	
72	**T40072**	Nguyễn Khánh	Duy	07/11/2002	Hậu Giang	260	195	**455**	Không đạt	
73	**T40073**	Võ Thị Ngọc	Giàu	11/02/2004	Sóc Trăng	320	290	**610**	Đạt	
74	**T40074**	Thái Thị Ngọc	Giang	29/03/2001	Đồng Tháp	280	365	**645**	Đạt	
75	**T40075**	Võ Thành	Giàu	12/08/2003	Cần Thơ	320	410	**730**	Đạt	
76	**T40076**	Trần Minh	Huy	26/02/2003	Sóc Trăng	200	340	**540**	Không đạt	
77	**T40077**	Nguyễn Phạm Quốc	Huy	16/08/2004	Cần Thơ	235	0	**235**	Không đạt	
78	**T40078**	Nguyễn Quốc	Huy	19/05/2003	Cần Thơ	345	365	**710**	Đạt	
79	**T40079**	Nguyễn Văn Lê	Huỳnh	06/09/2003	Đồng Tháp	395	295	**690**	Đạt	
80	**T40080**	Trương Trung	Kiên	24/01/2003	Sóc Trăng	325	270	**595**	Đạt	
81	**T40081**	Đoàn Anh	Kiệt	15/01/2002	An Giang	320	270	**590**	Đạt	
82	**T40082**	Trần Minh	Kiệt	31/12/2003	Cần Thơ	270	310	**580**	Đạt	
83	**T40083**	Nguyễn Văn Phúc	Khang	22/06/2002	Cần Thơ	230	270	**500**	Đạt	
84	**T40084**	Trương Lý	Khiêm	07/01/2003	Hậu Giang	385	250	**635**	Đạt	
85	**T40085**	Phạm Hồng	Khương	05/05/2003	Cần Thơ	160	355	**515**	Không đạt	
86	**T40086**	Phạm Tiểu	Lan	17/08/2003	Cần Thơ	135	245	**380**	Không đạt	
87	**T40087**	Lê Tuyết	Lan	07/05/2003	Vĩnh Long	150	265	**415**	Không đạt	
88	**T40088**	Tống Khánh	Linh	24/12/2003	Bình Dương	240	325	**565**	Đạt	
89	**T40089**	Dương Gia	Linh	16/09/2003	Kiên Giang	335	305	**640**	Đạt	
90	**T40090**	Nguyễn Tăng Phúc	Lộc	27/01/2003	Cần Thơ	280	220	**500**	Không đạt	
91	**T40091**	Huỳnh Hữu	Lợi	13/10/2003	Cần Thơ	260	275	**535**	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm môn Nghe	Điểm môn Đọc	Tổng điểm	Kết quả	Ghi chú
92	**T40092**	Trần Tấn	Ngọc	11/03/2003	Cần Thơ	160	295	**455**	Không đạt	
93	**T40093**	Nguyễn Thị Huệ	Nhung	01/06/2004	Sóc Trăng	230	160	**390**	Không đạt	
94	**T40094**	Nguyễn Hồng	Phúc	05/02/2003	Kiên Giang	150	400	**550**	Không đạt	
95	**T40095**	Thái Thanh	Quân	12/01/2003	Hậu Giang	155	240	**395**	Không đạt	
96	**T40096**	Nguyễn Nhựt	Quy	08/10/2003	Cần Thơ	305	270	**575**	Đạt	
97	**T40097**	Phan Fu	Sil	16/09/2004	Kiên Giang	405	385	**790**	Đạt	
98	**T40098**	Trương Huỳnh Ngọc	Sơn	19/01/2003	Cà Mau	280	170	**450**	Không đạt	
99	**T40099**	Phạm Nguyễn Quốc	Sự	28/05/2002	Vĩnh Long	310	190	**500**	Không đạt	
100	**T40100**	Phan Liên Hữu	Tình	14/04/2003	Sóc Trăng	220	280	**500**	Không đạt	
101	**T40101**	Quách Cơ	Thành	10/05/2004	Cần Thơ	365	305	**670**	Đạt	
102	**T40102**	Lê Tấn	Thành	17/06/2002	Cần Thơ	375	385	**760**	Đạt	
103	**T40103**	Mai Bảo	Thi	22/10/2003	Cần Thơ	345	110	**455**	Không đạt	
104	**T40104**	Cao Hoài	Thương	27/10/2003	Cà Mau	185	315	**500**	Không đạt	
105	**T40105**	Huỳnh Thị Quỳnh	Trâm	20/05/2003	Cần Thơ	355	330	**685**	Đạt	
106	**T40106**	Trần Huỳnh Bảo	Trân	16/09/2004	Sóc Trăng	245	310	**555**	Đạt	
107	**T40107**	Kiên An	Trích	10/01/2001	Trà Vinh	235	260	**495**	Đạt	
108	**T40108**	Trần Lê Hoàng	Trinh	08/05/2003	Vĩnh Long	320	330	**650**	Đạt	
109	**T40109**	Trần Như	Trọng	13/11/2002	Cà Mau	265	235	**500**	Đạt	
110	**T40110**	Cao Thị Kim	Yến	26/12/2003	Đồng Tháp	155	240	**395**	Không đạt	

Danh sách 110 thí sinh

Đạt 65 thí sinh

Không đạt 45 thí sinh

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Huỳnh Thanh Nhã